

Số: /ĐA-BDT

Quảng Ngãi, ngày tháng 11 năm 2023

ĐỀ ÁN
Vị trí việc làm của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi

Phần I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Dân tộc được quy định tại Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Trong giai đoạn hiện nay, công tác dân tộc có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là nhiệm vụ cấp bách của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc đã đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030.

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Ban Dân tộc tỉnh; thời gian qua, Ban Dân tộc đã thực hiện việc sử dụng, sắp xếp, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng công chức phù hợp với từng vị trí việc làm, góp phần mang lại kết quả hoàn thành tốt nhiệm vụ UBND tỉnh giao.

Tuy nhiên, hiện nay Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành đã ban hành các văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm¹ công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính; hướng dẫn vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành và cơ cấu ngạch công chức¹. Điều này dẫn đến sự thay đổi về vị trí việc làm; tiêu chuẩn khung năng lực đối với một số vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức. Do đó, việc rà soát vị trí việc làm, khung năng lực, cơ cấu ngạch công chức để có sự điều chỉnh Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt bảo đảm phù hợp với các văn bản quy định hiện hành là cần thiết, làm cơ sở để thực hiện sắp xếp, bố trí, quy

¹ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022; Thông tư số 01/2023/TT-UBND ngày 20/7/2023 của Ủy ban Dân tộc Thông tư số 01/2023/TT-TTCT ngày 01/11/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ,

hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ công chức Ban Dân tộc phù hợp với từng vị trí việc làm, có số lượng, cơ cấu hợp lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu của BCH Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

2. Quy định 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị quản lý biên chế hệ thống chính trị;

3. Kết luận số 28-KH/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

4. Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026;

5. Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ.

6. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 1/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

7. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

8. Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

10. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

11. Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

12. Thông tư số 01/2023/TT-UBDT ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức chuyên ngành công tác dân tộc trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công tác dân tộc;

13. Thông tư số 29/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

14. Thông tư số 01/2023/TT-TTCP ngày 01/11/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra;

15. Kế hoạch số 202-KH/TU ngày 24/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

16. Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi;

Phần II

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111; CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CỦA CƠ QUAN

I. THỰC TRẠNG

1. Về vị trí, chức năng:

Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc được quy định cụ thể tại Điều 2 Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi.

3. Cơ cấu tổ chức

3.1. Lãnh đạo Ban:

- Ban Dân tộc tỉnh có Trưởng ban và không quá 02 Phó Trưởng ban.

- Trưởng ban là Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, là người đứng đầu Ban Dân tộc tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, giúp Trưởng ban thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Trưởng ban phân công, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm thay Trưởng ban điều hành các hoạt động của Ban. Phó Trưởng ban không kiêm nhiệm người đứng đầu các phòng, đơn vị trực thuộc Ban, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3.2. Các phòng tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ: có 03 đơn vị cấp phòng, gồm: Văn phòng, Thanh tra, Chính sách dân tộc.

- Văn phòng Ban: có chức năng tham mưu Trưởng ban tổ chức thực hiện: công tác tổ chức, cán bộ; tổng hợp, thống kê và báo cáo; ứng dụng công nghệ thông tin; thi đua, khen thưởng, kỷ luật; hành chính, quản trị; văn thư, lưu trữ; quản lý tài sản, cơ sở vật chất, kế toán, tài chính; an ninh, trật tự; cải cách hành chính; hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO theo quy định.

- Thanh tra Ban: có chức năng tham mưu, giúp Trưởng ban thực hiện công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc; tham mưu công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, công tác pháp chế và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật. Thanh tra Ban có con dấu và tài khoản riêng.

- Phòng Chính sách Dân tộc: có chức năng tham mưu cho lãnh đạo Ban thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật và thực hiện nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Ban giao.

4. Biên chế công chức và hợp đồng lao động theo Nghị định 111

- Biên chế công chức được UBND tỉnh giao năm 2023: 17 biên chế;

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111: 03 người.

5. Thực trạng đội ngũ công chức

Tổng số công chức hiện có tính đến tháng 11/2023 là 17 người; cụ thể:

a) Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thạc sĩ: 03 người (*chiếm tỷ lệ 17,65%*), đại học 15 người (*chiếm tỷ lệ 88,24%*).

b) Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp: 09 người (*chiếm tỷ lệ 47%*), trung cấp 7 người (*chiếm tỷ lệ 52,9%*).

c) Về trình độ tin học: Đại học: 01 người (*chiếm tỷ lệ 5,88%*), Chứng chỉ 16 người (*chiếm tỷ lệ 94,12%*).

d) Về trình độ ngoại ngữ (Anh văn): Chứng chỉ 17 người (*chiếm tỷ lệ 100%*).

đ) Về bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước: Chuyên viên cao cấp và tương đương: 02 người (*chiếm tỷ lệ 11,76%*); Chuyên viên chính và tương đương: 07 người (*chiếm tỷ lệ 41,17%*), chuyên viên và tương đương: 08 người (*chiếm tỷ lệ 47,05%*).

e) Về cơ cấu theo ngạch: Ngạch chuyên viên cao cấp: 01 người (*chiếm tỷ lệ 5,88%*); Ngạch chuyên viên chính và tương đương: 06 người (*chiếm tỷ lệ 35,29%*); ngạch chuyên viên và tương đương: 10 người (*chiếm tỷ lệ 58,8%*).

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Khi triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm đã giúp Lãnh đạo Ban giám sát kết quả giải quyết công việc dễ dàng, thuận lợi hơn; thực hiện việc phân công nhiệm vụ từng phòng chuyên môn gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể, tránh được sự chồng chéo khi phân công giao việc. Việc sử dụng, sắp xếp, bố trí và quản lý công chức, người lao động được thực hiện hợp lý, vị trí từng công việc sắp xếp phù hợp với chuyên môn, khung năng lực; đến thời điểm hiện tại công chức của Ban Dân tộc đã đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện đối với từng vị trí việc làm.

Mặt khác, việc triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm giúp cho công chức thấy được vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình, không đùn đẩy, thoái thác công việc. Khung năng lực giúp chỉ ra những năng lực và yêu cầu chuyên môn tương ứng mỗi công chức cần phải đáp ứng cho từng vị trí cụ thể. Việc so sánh giữa trình độ chuyên, năng lực thực tế và yêu cầu tiêu chuẩn của từng vị trí giúp đánh giá được mức độ phù hợp và hoàn thành yêu cầu công việc của vị trí đảm nhiệm của từng công chức.

Phần III

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ; BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC, KHUNG NĂNG LỰC CỦA TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Trên cơ sở các bước tại Mục V Hướng dẫn số 282/HD-SNV ngày 13/11/2023 của Sở Nội vụ, xác định danh mục vị trí việc làm trong cơ quan theo thứ tự sau:

1. Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành: 08 vị trí; trong đó:

a) *Vị trí Trưởng Ban (01 vị trí)*: Trưởng Ban là người đứng đầu cơ quan, quản lý điều hành mọi hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc tỉnh; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của cơ quan và việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức thuộc quyền theo phân cấp quản lý và theo quy định của pháp luật; phụ trách chung và trực tiếp phụ trách các lĩnh vực công tác theo Quyết định phân công nhiệm vụ của Lãnh đạo Ban Dân tộc tỉnh ban hành; là Chủ tài khoản của Ban Dân tộc tỉnh.

b) *Vị trí Phó Trưởng ban (01 vị trí)*: Tham mưu giúp Trưởng ban chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực: được Trưởng ban phân công theo dõi một số công việc chuyên môn và địa bàn; theo dõi, chỉ đạo một số Phòng thuộc Ban; được ký thay Trưởng ban và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; Phó Trưởng ban có trách nhiệm tham mưu cho Trưởng ban giải quyết những vấn đề mới nảy sinh; đề xuất các chương trình, đề án, chính sách mới trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực công tác được phân công; Một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền, thay mặt giải quyết những công việc thuộc thẩm quyền của Trưởng ban khi Trưởng ban vắng mặt; thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

c) *Vị trí Chánh Văn phòng Ban (01 vị trí)*: Phụ trách chung hoạt động của Văn phòng, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Văn phòng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và theo Quy chế làm việc của Ban Dân tộc tỉnh. Trực tiếp phụ trách: công tác tổ chức cán bộ; công tác thi đua, khen thưởng; công tác hành chính, quản trị; chỉ đạo xây dựng dự toán thu, chi ngân sách hàng năm và thực hiện việc chi thường xuyên phục vụ công tác; tổ chức theo dõi, mua sắm, sửa chữa tài sản thuộc Ban Dân tộc tỉnh quản lý và một số nhiệm vụ khác theo nhiệm vụ được phân công theo dõi.

d) *Vị trí Chánh Thanh tra Ban (01 vị trí)*: Phụ trách chung hoạt động của phòng Thanh tra; chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Ban thực hiện công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc; tham mưu công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, công tác pháp chế và các nhiệm vụ khác do; tham mưu Trưởng Ban tổ chức tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất theo quy định

đ) *Vị trí Trưởng phòng thuộc Ban (01 vị trí) (phòng Chính sách Dân tộc)* Trưởng phòng là người đứng đầu một phòng, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của phòng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phân công nhân sự thuộc phòng đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về mọi hoạt động của phòng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

e) *Vị trí Phó Chánh Văn phòng: (01 vị trí)*: Giúp việc Chánh Văn phòng trong việc thực hiện một số nhiệm vụ của Văn phòng, chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng và lãnh đạo Ban về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao,

được ủy quyền và phân công trực tiếp phụ trách một số nhiệm vụ khi Chánh Văn phòng đi vắng.

h) Vị trí Phó Chánh thanh tra: (01 vị trí): Giúp Chánh Thanh tra Ban thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh Thanh tra Ban; chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, Chánh Thanh tra Ban và trước pháp luật về những nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện một số nhiệm vụ khác khi lãnh đạo Ban, Chánh thanh tra phân công.

g) Vị trí Phó Trưởng phòng: (01 vị trí): Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Ban, Trưởng phòng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được giao; cùng với Trưởng phòng theo dõi công chức phòng; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo Ban; tham mưu xây dựng các quy định, đề án, quyết định, hướng dẫn, báo cáo, ... liên quan đến nhiệm vụ được phân công; thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trưởng phòng.

2. Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc chuyên môn dùng chung: có 09 vị trí, trong đó:

- (1) Chuyên viên tổng hợp.
- (2) Chuyên viên chính quản lý nguồn nhân lực.
- (3) Chuyên viên hành chính - văn phòng.
- (4) Chuyên viên quản trị công sở.
- (5) Chuyên viên phụ trách kế toán.
- (6) Chuyên viên Thủ quỹ.
- (7) Chuyên viên văn thư.
- (8) Chuyên viên pháp chế.
- (9) Chuyên viên truyền thông.

3. Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành: 05 vị trí; trong đó:

- (1) Chuyên viên chính về chính sách phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- (2) Chuyên viên về chính sách phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- (3) Chuyên viên chính về chính sách phát triển văn hóa, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- (4) Chuyên viên về chính sách phát triển văn hóa, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- (5) Chuyên viên về công tác dân tộc, chiến lược công tác dân tộc

4. Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ: có 03 vị trí; trong đó:

- (1) Nhân viên phục vụ.
- (2) Nhân viên lái xe.
- (3) Nhân viên Bảo vệ.

II. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO ND 111

1. Tổng số vị trí việc làm xác định theo Đề án là 25 vị trí; trong đó, vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý là 8 vị trí; vị trí việc làm thuộc nhóm chuyên môn dùng chung là 09 vị trí; thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên ngành là 05 vị trí; vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ là 03 vị trí.

2. Biên chế công chức xác định theo Đề án vị trí việc làm là 17 biên chế. Ban Dân tộc có trách nhiệm thực hiện tinh giản biên chế đến năm 2026 theo Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp có thẩm quyền; chủ động bố trí biên chế công chức được giao từng năm theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

3. Hợp đồng lao động theo Nghị định 111 xác định theo Đề án vị trí việc làm là 03 người. Ban Dân tộc chủ động sắp xếp, bố trí theo từng vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

(Danh mục vị trí việc làm, biên chế công chức, hợp đồng lao động theo Phụ lục số 01 đính kèm)

III. BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC VÀ KHUNG NĂNG LỰC CỦA TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Công việc cụ thể của từng vị trí việc làm được mô tả theo nhiệm vụ chính, có xác định yêu cầu về trình độ, nhóm năng lực. Khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực đối với từng vị trí việc làm thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Thông tư 01/2023/TT-UBND ngày 20/7/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; Thông tư số 01/2023/TT-TTCP ngày 01/11/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ

(Bảng mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo Phụ lục số 2 đính kèm)

VI. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: Gồm có 09 biên chế.

Trong khi chưa có quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về xếp lương đối với vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý, tạm thời xác định ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm theo Phụ lục số 01 kèm theo Đề án.

Hiện nay, Ban Dân tộc tỉnh có 01 phòng chuyên môn nghiệp vụ có 02 Phó trưởng phòng, thừa 01 Phó trưởng phòng theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý. Ban sẽ thực hiện việc sắp xếp lại theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 28/01/2022.

2. Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (*thuộc nhóm vị trí việc làm chuyên môn dùng chung và nghiệp vụ chuyên ngành*): Gồm có 07 biên chế, cơ cấu ngạch cụ thể như sau: Công chức giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương: 03 người, chiếm tỷ lệ 42,88%; công chức giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương: 04 người, chiếm tỷ lệ 57,12% .

(*Tổng hợp cơ cấu ngạch theo Phụ lục số 3 đính kèm*)

Phần IV

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bên theo Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc và theo Đề án vị trí việc làm được xây dựng; đề nghị Sở Nội vụ xem xét tham mưu UBND tỉnh bổ sung biên chế để Ban bố trí phù hợp các vị trí hiện tại đang phải thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động thông suốt, hiệu quả hơn.

Trên đây là Đề án vị trí việc làm của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi, kính gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

Hồ Ngọc Thịnh